

MÔ TẢ

CLEVER PU TRANS ALM; là màng chống thấm một thành phần trong suốt, gốc PU với khả năng chịu tia cực tím cao. Nó dính kết với hơi ẩm và tạo ra một lớp màng trong suốt có độ đàn hồi và độ bền cao với khả năng bám dính rất cao với bề mặt.

ĐẶC TÍNH

- Đặc tính cơ học hoàn hảo.
- Chịu tia cực tím.
- Chịu phong hóa tốt.
- Thi công đơn giản.
- Do là polyurethane nguyên chất nên nó có thể tiếp xúc liên tục với nước.
- Duy trì đặc tính cơ học ở dải nhiệt độ từ -40 C đến +80 C.
- Bám dính hoàn hảo.
- Kháng hóa chất. Nó cung cấp khả năng đàn hồi và độ bóng vĩnh viễn.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Sân thượng
- Hiên và ban công
- Bê tông và đá tự nhiên
- Kính
- Bề mặt gốm

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và độ ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ dầu, mỡ và sáp, hồ xi măng, hạt lỏng lẻo và các chất chống dính cốp pha cũng phải được loại bỏ sạch. Trám đầy các vết lõm bằng sản phẩm tương thích.

LỚP LÓT

Quét lót bề mặt không hấp thụ như kim loại, gạch men và các lớp sơn cũ bằng CLEVER PU TILE PRIMER. Bề mặt không xốp như kính, gạch kính, gạch men, nên quét lót bằng CLEVER PU TILE PRIMER. CLEVER PU TILE PRIMER nên được thi công bằng con lăn. Lăn/quét CLEVER PU TRANS ALM tối thiểu hai lớp. Thời gian thi công giữa các lớp không được quá 48 giờ. Nếu không chắc chắn về độ bám dính của lớp trung gian, quét một lớp lót CLEVER PU PRIMER 200.

PHA TRỘN - PHA LOÃNG

CLEVER PU TRANS ALM; Trộn kỹ đến khi nhuyễn đều. Sau khi trộn xong, khuấy chậm thêm vài phút nữa để hỗn hợp đạt độ đồng đều.

THI CÔNG

CLEVER PU TRANS ALM; Lăn/quét hỗn hợp tối thiểu 2 lớp. Sau khi thi công lớp thứ nhất tối thiểu 12 giờ và tối đa 24 giờ thì thi công lớp thứ hai. Thời gian thi công giữa các lớp không được quá 48 giờ. Phải quét lót lại nếu đã để quá thời gian quy định. Không để vật liệu tồn đọng trong thiết bị thi công quá 2 giờ.

TIÊU THỤ

Mỗi lớp tối thiểu: 0,10 - 0,50 lt/m²

Ứng dụng tối thiểu hai lớp

Tổng tiêu thụ tối thiểu: 0,2 - 1,0 lt/m²

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

4 lít

Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng kín ở nơi khô ráo và nhiệt độ 5-25 C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	1K Aliphatic Polyurethane
Màu sắc	Trong suốt
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1 gr/cm ³ ±0.03
Độ nhớt ASTM D 2196/EN ISO 3219(25°)	1000-1500cp
Đóng gói	4 lít
Khả năng thấm hơi ẩm (ASTM E96)	0,8 gr/m ² /giờ
Độ bóng	Hơi bóng
Nhiệt độ thi công	+5°C đến +35°C
Pha loãng	Không nên pha loãng
Chịu nhiệt độ	100 ngày ở 80°C & 200°C Khô (sốc nhiệt)
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	0,2-1,0 lít/m ²
Độ cứng ASTM D2240,DIN 53505, ISO R 868	40 (Shore D)
Tỷ lệ giãn dài (23°C)(ASTM D 412)	≥ 350%
QUV (ASTM G53)	3000 giờ
Độ bền căng tại điểm gãy (23°C)(ASTM D 412)	≥ 35 N/mm ²
Bám dính bê tông (23°C)(ASTM D 903)	≥ 2 N/mm ²
Biện pháp thi công	Lăn, quét, phun
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 6 giờ Lớp kế tiếp: 8-24 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày

